

# JH7110 NOTEBOOK

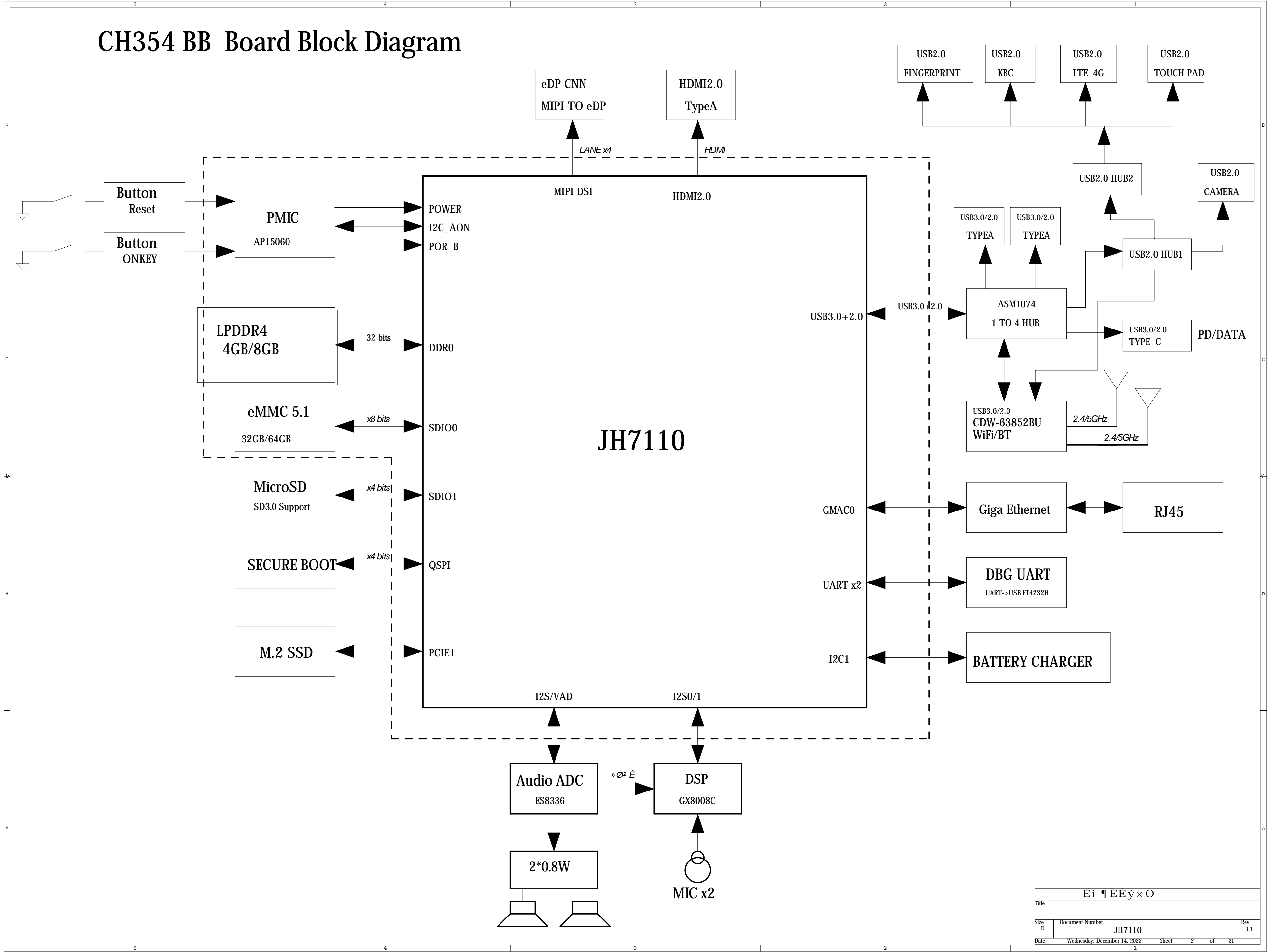
## Table of Content

Page 1	Cover Page
Page 2	Block Diagram
Page 3	Power Diagram and Sequence
Page 4	Interface
Page 5	MIPI to eDP
Page 6	TYPC-1-ANX7447
Page 7	TYPE-C CONN1
Page 8	Touch pad&USB3.0 CON&Finge
Page 9	DSP GX8008C
Page 10	EDP PANEL
Page 11	DB_CONN
Page 12	USB3.0 HUB(1 to 4)
Page 13	Thermal sensor&FAN&LED
Page 14	MCU EC KBC
Page 15	HDMI CON
Page 16	PWR IN Selector
Page 17	PWR_Charger
Page 18	WIFI NVME & LTE
Page 19	PWR_1.1V1.2V1.8A/3V3/VDD5
Page 20	PWR_+5V/+3V/4V/2.5VADC
Page 21	ETHERNET&MECHANICAL

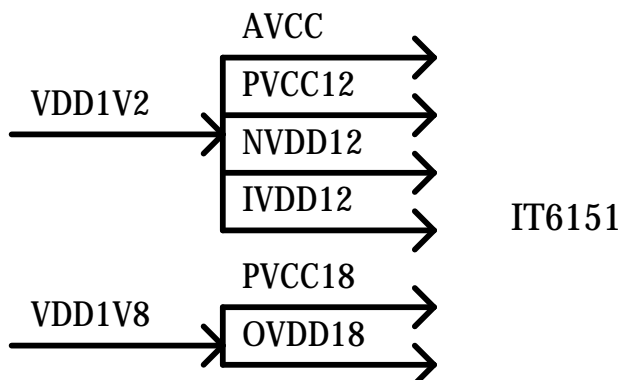
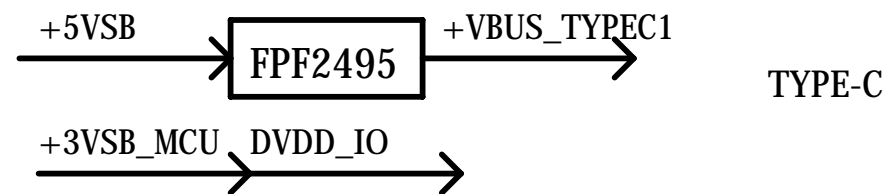
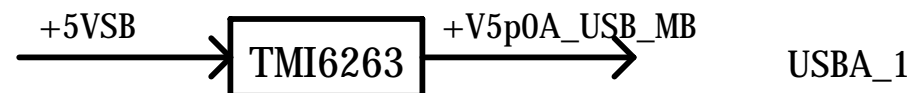
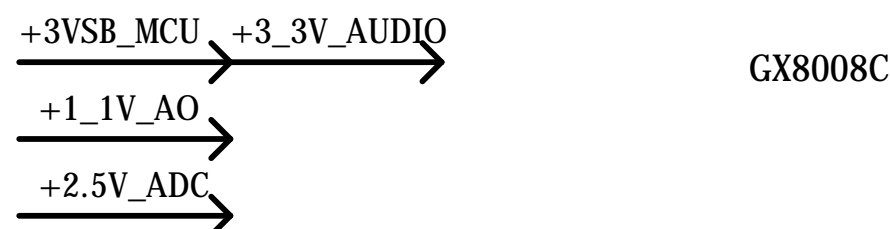
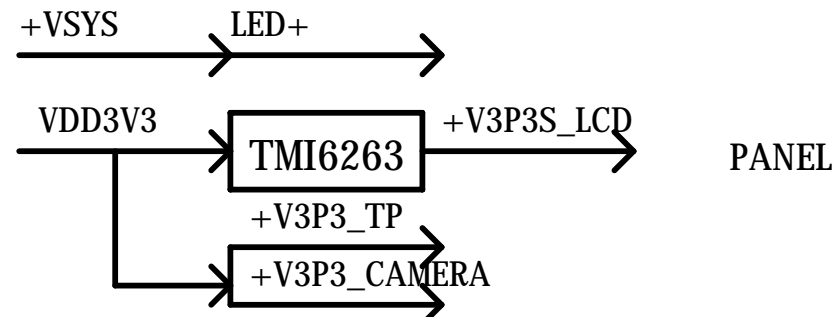
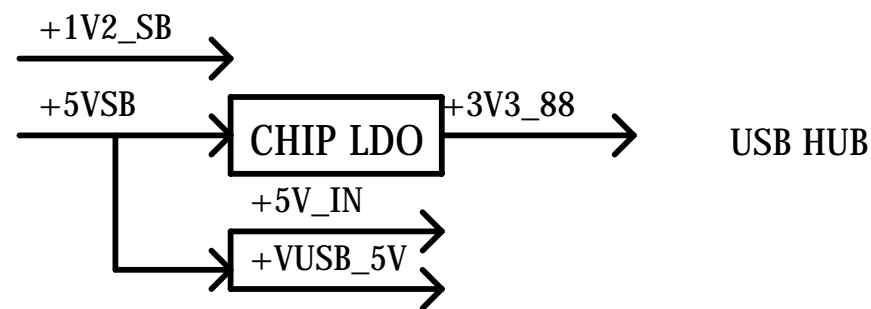
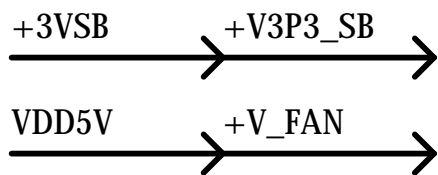
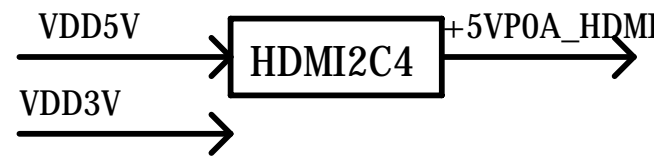
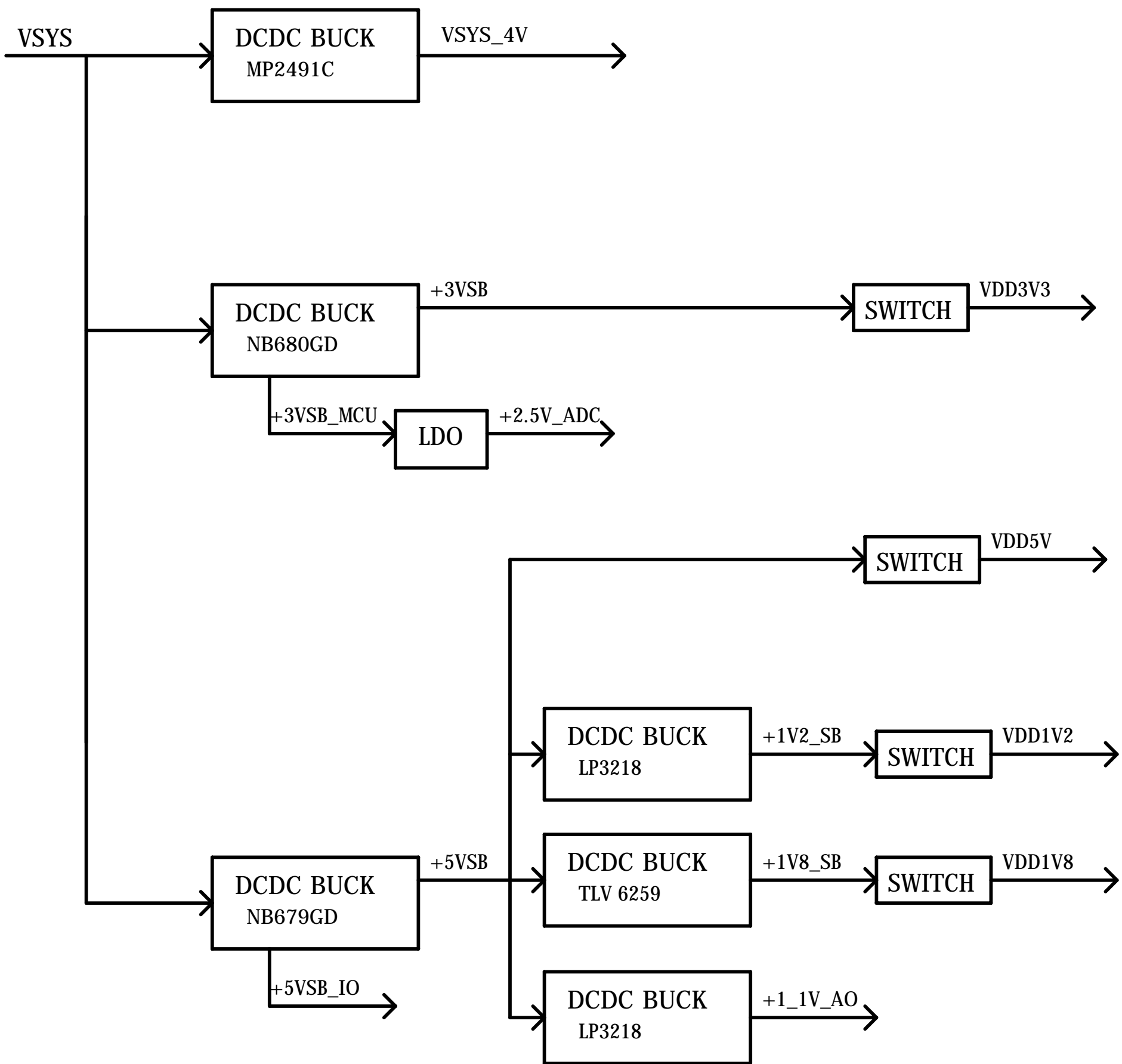
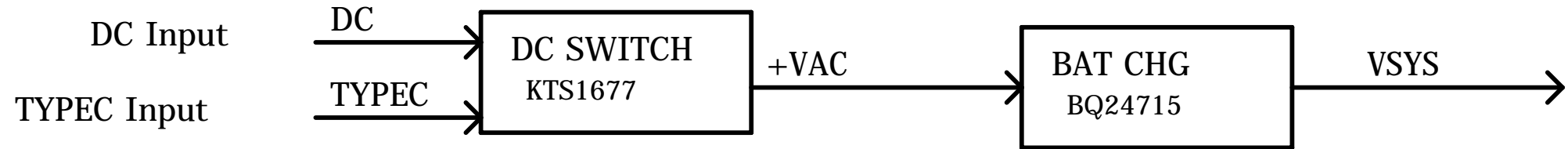
## Revision History

Rev. Code	Date	By	Description
V1.0	2023-04-21		
V2.0	2023-06-21		
V3.0	2023-068-30		1.MCU, ˆ I » Á~µ½, ˆ I » ° ˆ ¼Ü 2.2.5VLD0ÊäÊëµçÖ´, ÄĬ ¨ +3VSB

CH354 BB Board Block Diagram

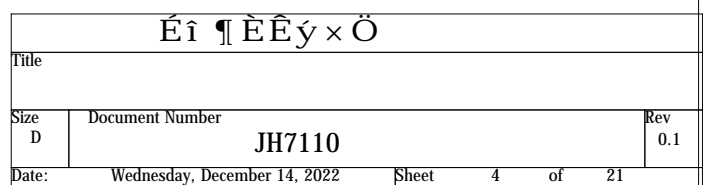
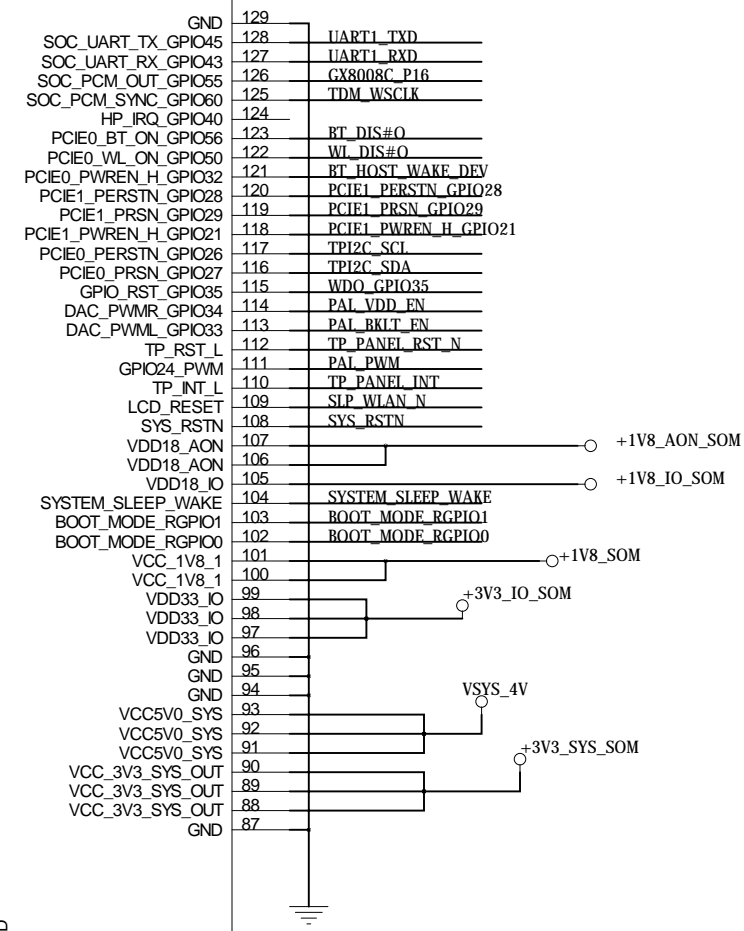
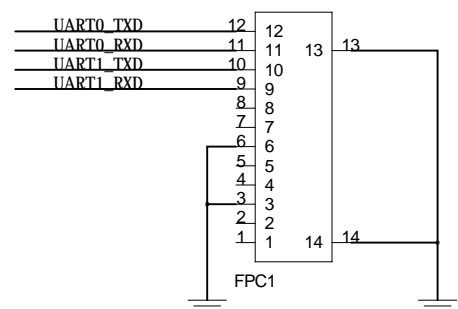
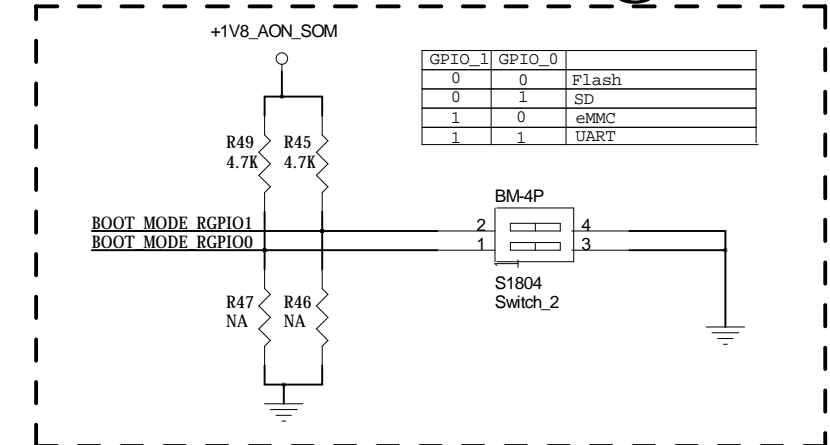
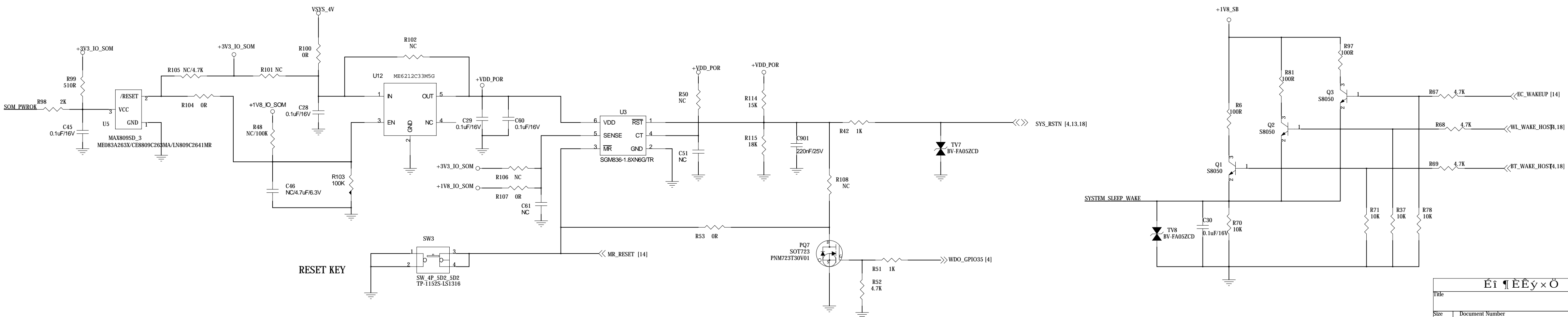
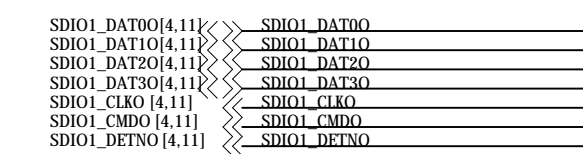
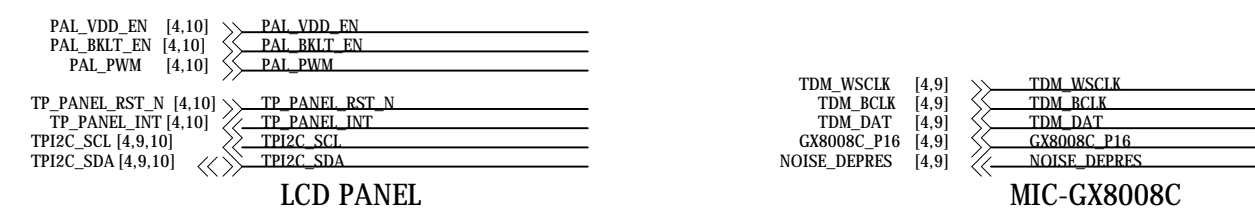
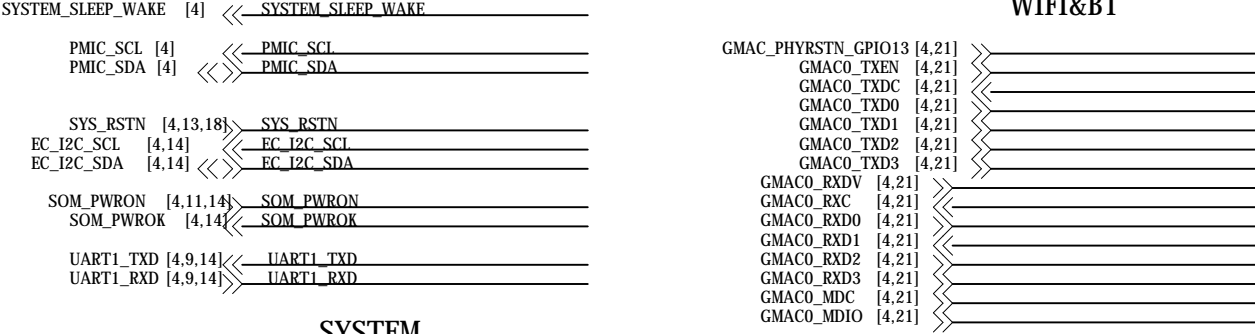
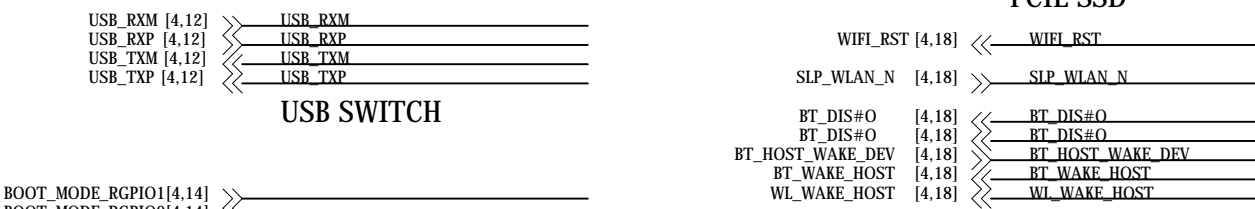
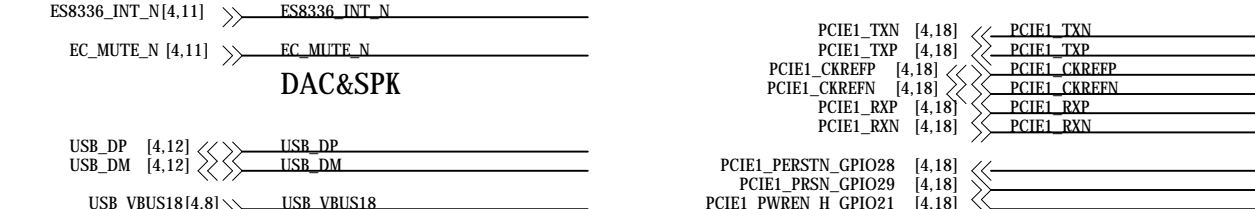
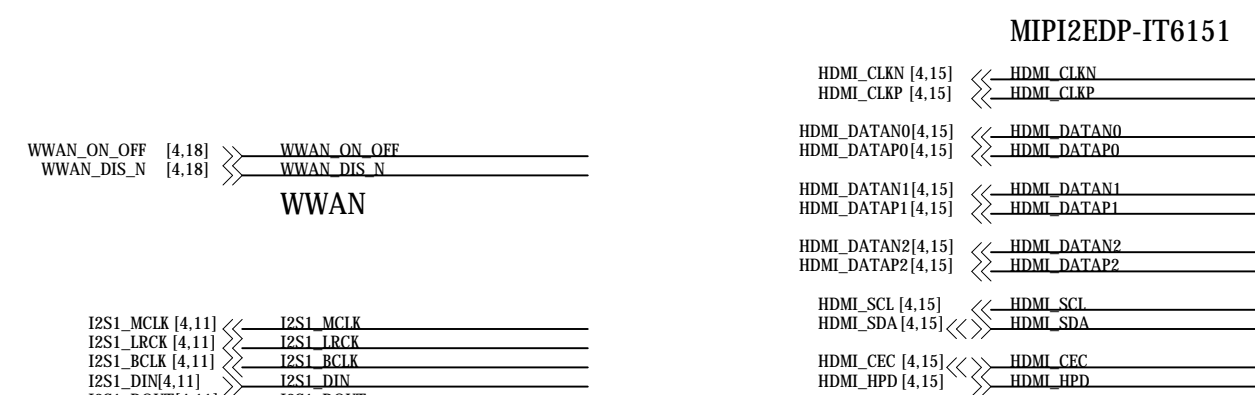
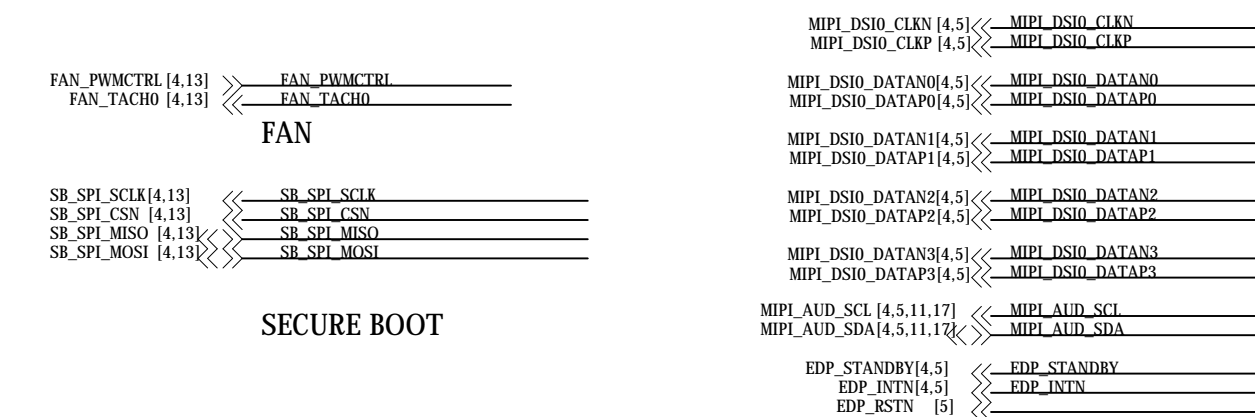


# Power Diagram and Sequence

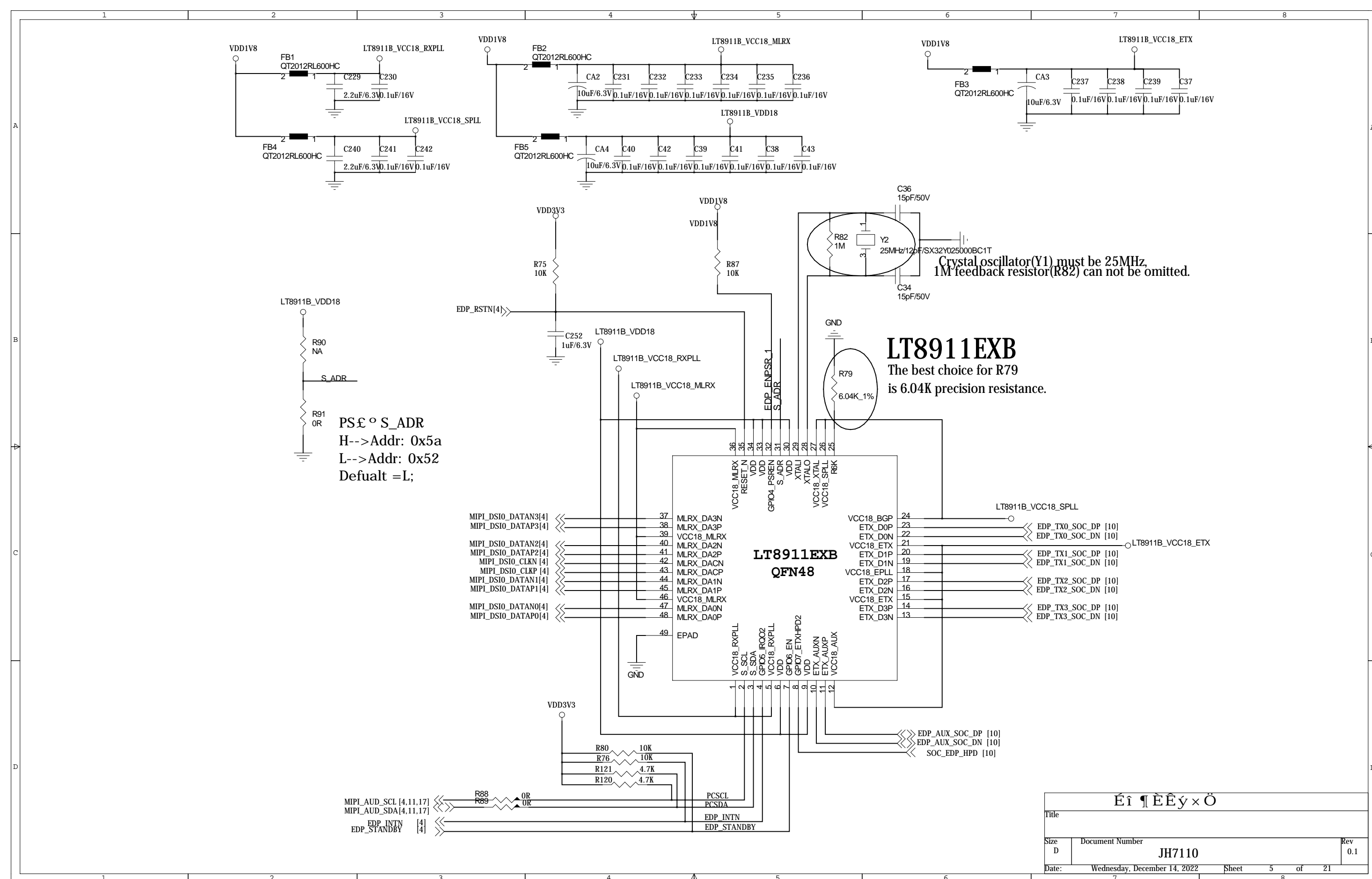


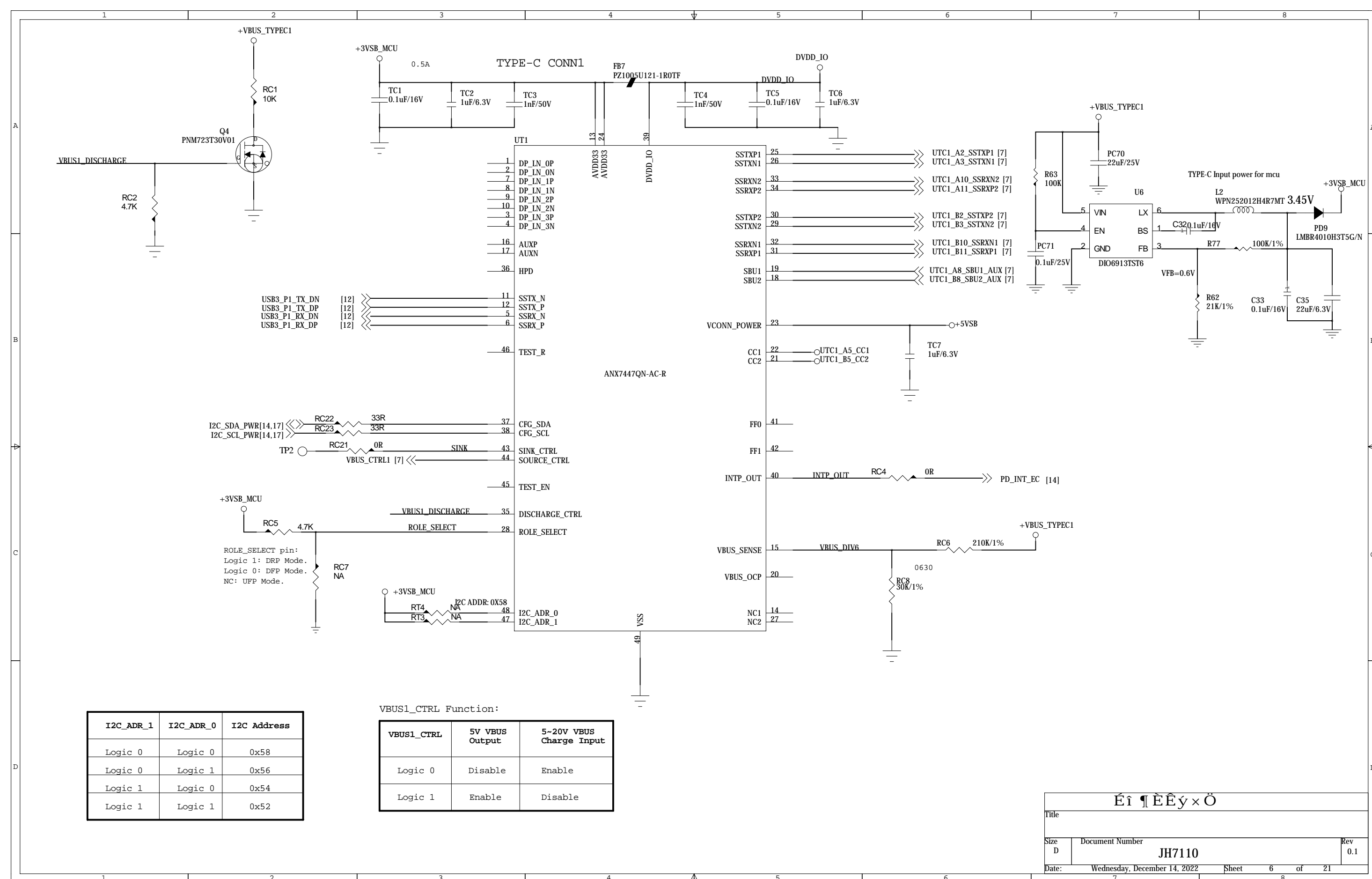
JH7110 IO	名称	说明
GPIO0	HDMI_SCL	HDMI I2C SCL
GPIO1	HDMI_SDA	HDMI I2C SDA
GPIO2	MIPI_AUD_SDA	MIPI AUD I2C SDA
GPIO3	MIPI_AUD_SCL	MIPI AUD I2C SCL
GPIO4	I2S1_MCLK	ES8336 MCLK
GPIO5	UART0_TX	调试串口TX
GPIO6	UART0_RX	调试串口RX
GPIO7	SDIO1_D2	TF卡 D2
GPIO8	SDIO1_D3	TF卡 D3
GPIO9	SDIO1_CMD	TF卡 CMD
GPIO10	SDIO1_CLK	TF卡 CLK
GPIO11	SDIO1_D0	TF卡 D0
GPIO12	SDIO1_D1	TF卡 D1
GPIO13	GMAC_PHYRSTN	GMAC PHY 复位信号
GPIO14	HDMI_CEC	HDMI CEC
GPIO15	HDMI_HPD	HDMI HPD 检测
GPIO16	EC_I2C_SCL	下行 EC I2C SCL
GPIO17	EC_I2C_SDA	下行 EC I2C SDA
GPIO18	NC	
GPIO19	PMIC_SCL	PMIC I2C SCL
GPIO20	PMIC_SDA	PMIC I2C SDA
GPIO21	PCIE1_PWREN	M.2 PCIE 电源使能
GPIO22	EDP_ENPSR	MIPI 转 EDP 芯片电源使能
GPIO23	SLP_WAN	WLAN 电源开关
GPIO24	PAL_PWM	屏幕背光PWM
GPIO25	EDP_INTN	MIPI 转 EDP 芯片中断
GPIO26	TPI2C_SCL	LCD 触摸屏 I2C SCL
GPIO27	TPI2C_SDA	LCD 触摸屏 I2C SDA
GPIO28	PCIE1_PERSTN	M.2 PCIE 复位
GPIO29	PCIE1_PRSN	M.2 PCIE CLKREQ
GPIO30	TP_PANEL_INT	LCD 触摸屏中断
GPIO31	TP_PANEL_RST	LCD 触摸屏复位
GPIO32	BT_HOST_WAKE_DEV	蓝牙唤醒主机
GPIO33	PAL_BLK_EN	LCD屏背光使能
GPIO34	PAL_VDD_EN	LCD屏电源使能
GPIO35	WDO_GPIO35	JH7110 看门狗输出
GPIO36	SB_SPI_MISO	安全芯片 MISO
GPIO37	FAN_TACHO	风扇转速检测
GPIO38	I2S1_BCLK	ES8336 BCLK
GPIO39	SB_SPI_MOSI	安全芯片 MOSI
GPIO40	NC	
GPIO41	SDIO1_DET	TF卡检测
GPIO42	EDP_STANBY	MIPI 转 EDP 芯片待机
GPIO43	UART1_RX	UART1 RX
GPIO44	I2S1_DIN	ES8336 DIN
GPIO45	UART1_TX	UART1 TX
GPIO46	ES8336_INT	ES8336 中断输出
GPIO47	NOSIE_DEPRES	GX8008C 消噪
GPIO48	NC	
GPIO49	EC_MUTE_N	关闭音频输出
GPIO50	WL_DIS#	WIFI 无线开关
GPIO51	FAN_PWMCTRL	风扇PWM输出
GPIO52	WWAN_DIS#	4G 无线开关
GPIO53	TDM_BCLK	GX8008C TDM BCLK
GPIO54	TDM_DAT	GX8008C TDM DATA
GPIO55	GX8008C_P16	GX8008C_P16
GPIO56	BT_DIS#	蓝牙无线关闭
GPIO57	SB_SPI_CSN	安全芯片 CSN
GPIO58	SB_SPI_SCLK	安全芯片 SCLK
GPIO59	WWAN_ON_OFF	4G电源开关
GPIO60	TDM_WSCLK	GX8008C TDM WSCLK
GPIO61	I2S1_OUT	ES8336 DOUT
GPIO62	EMMC_RSTN	没有引出来
GPIO63	I2S1_LRCK	ES8336 LRCK

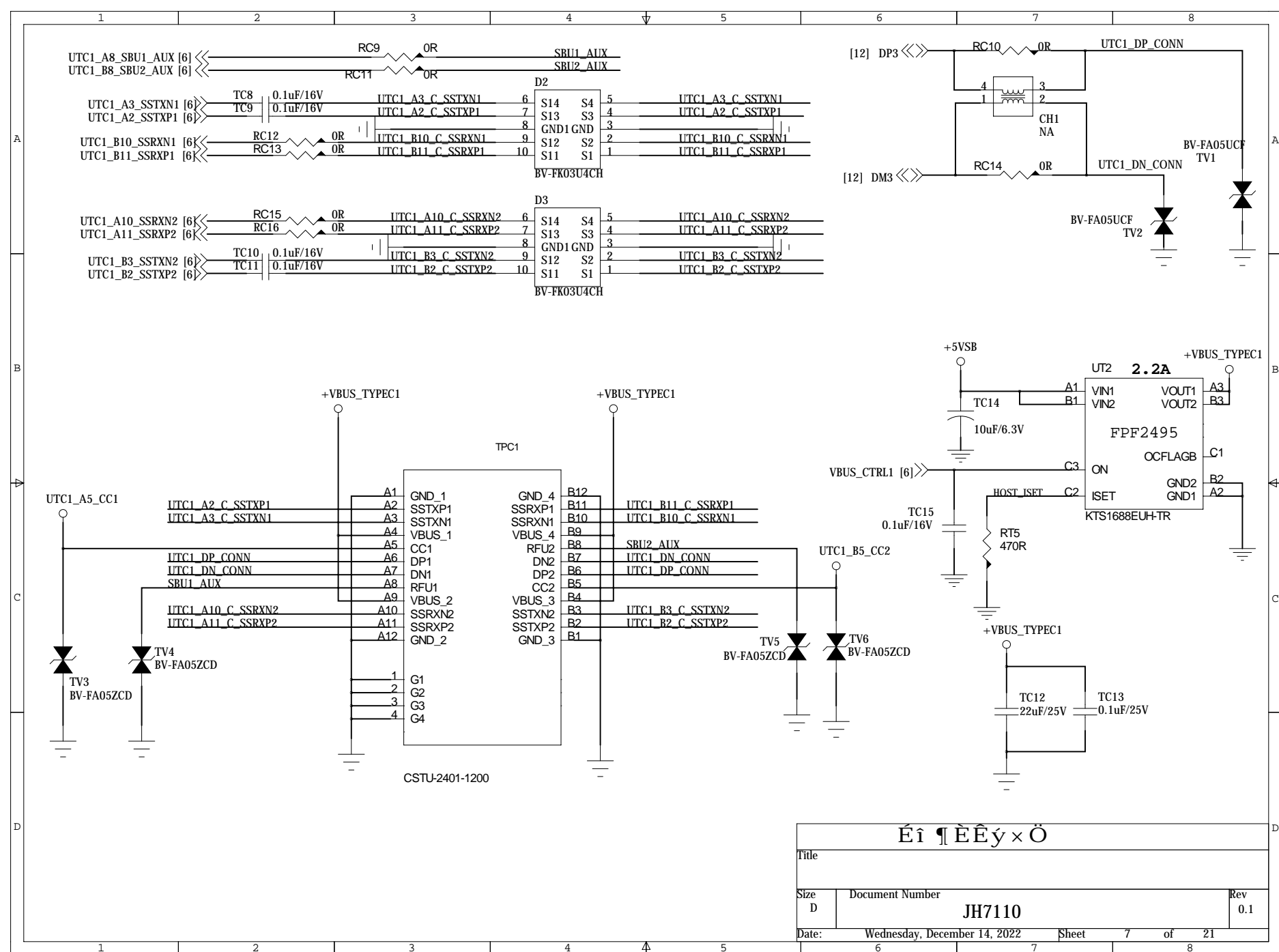
# INTERFACE

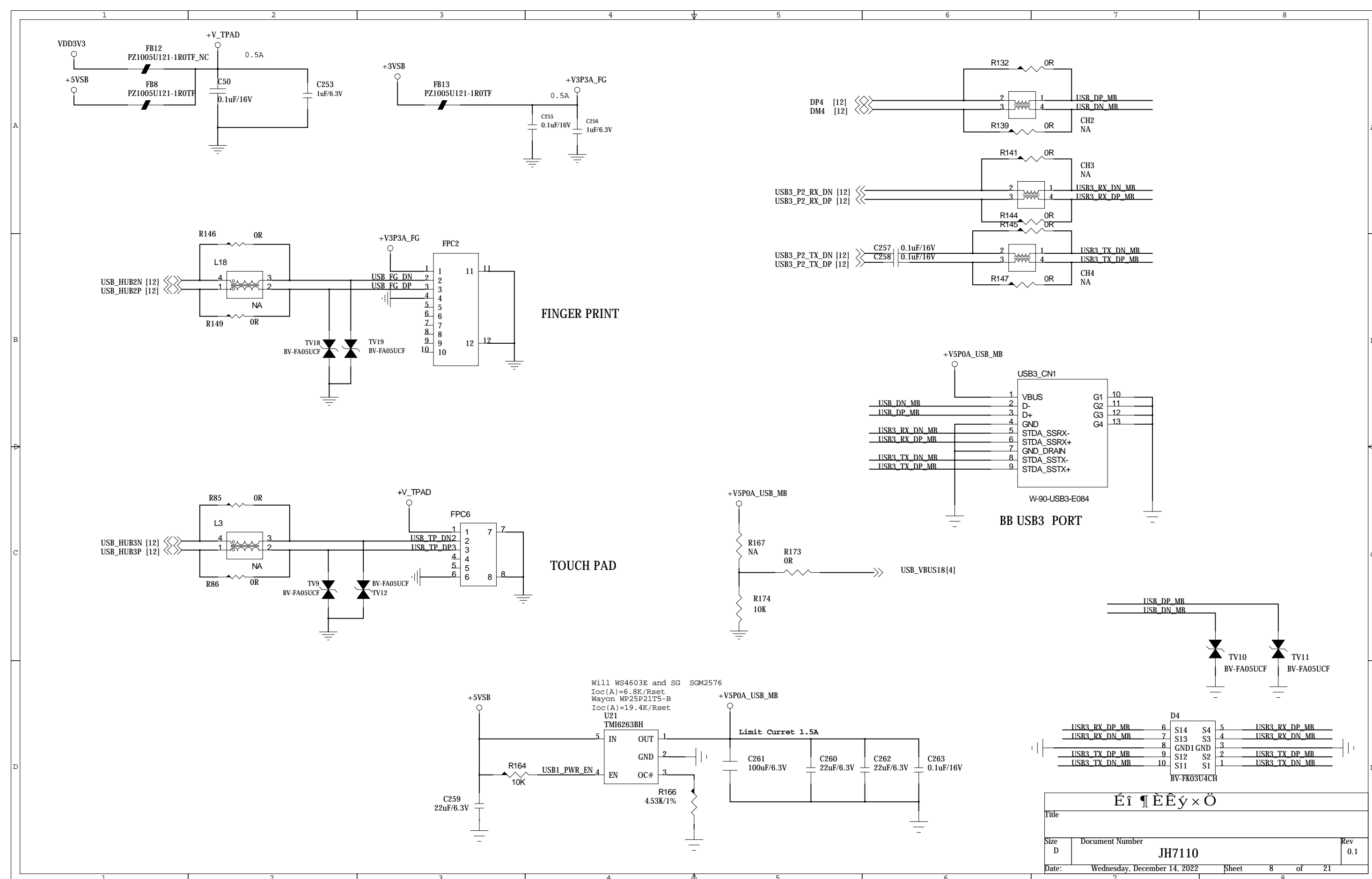




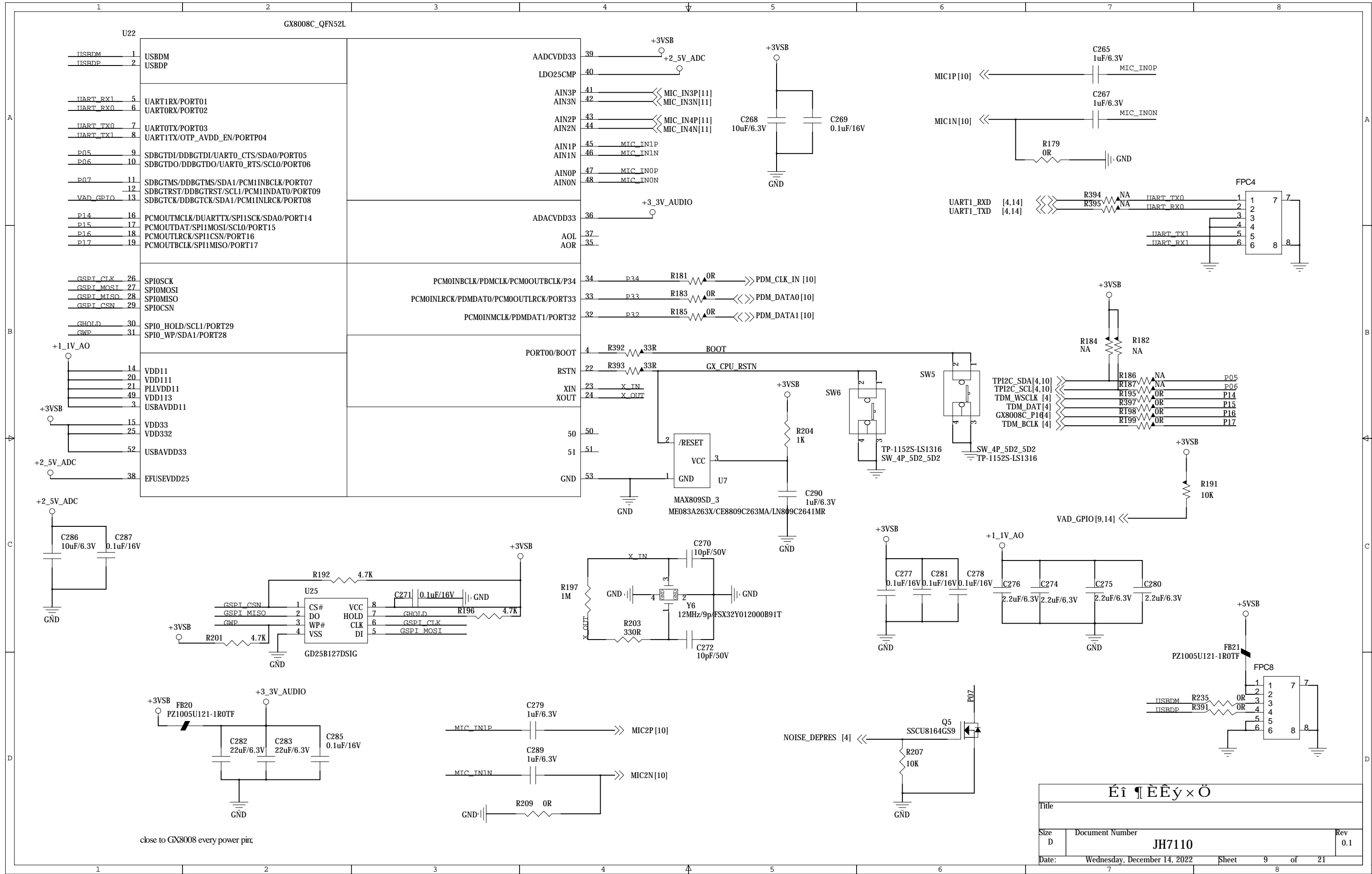


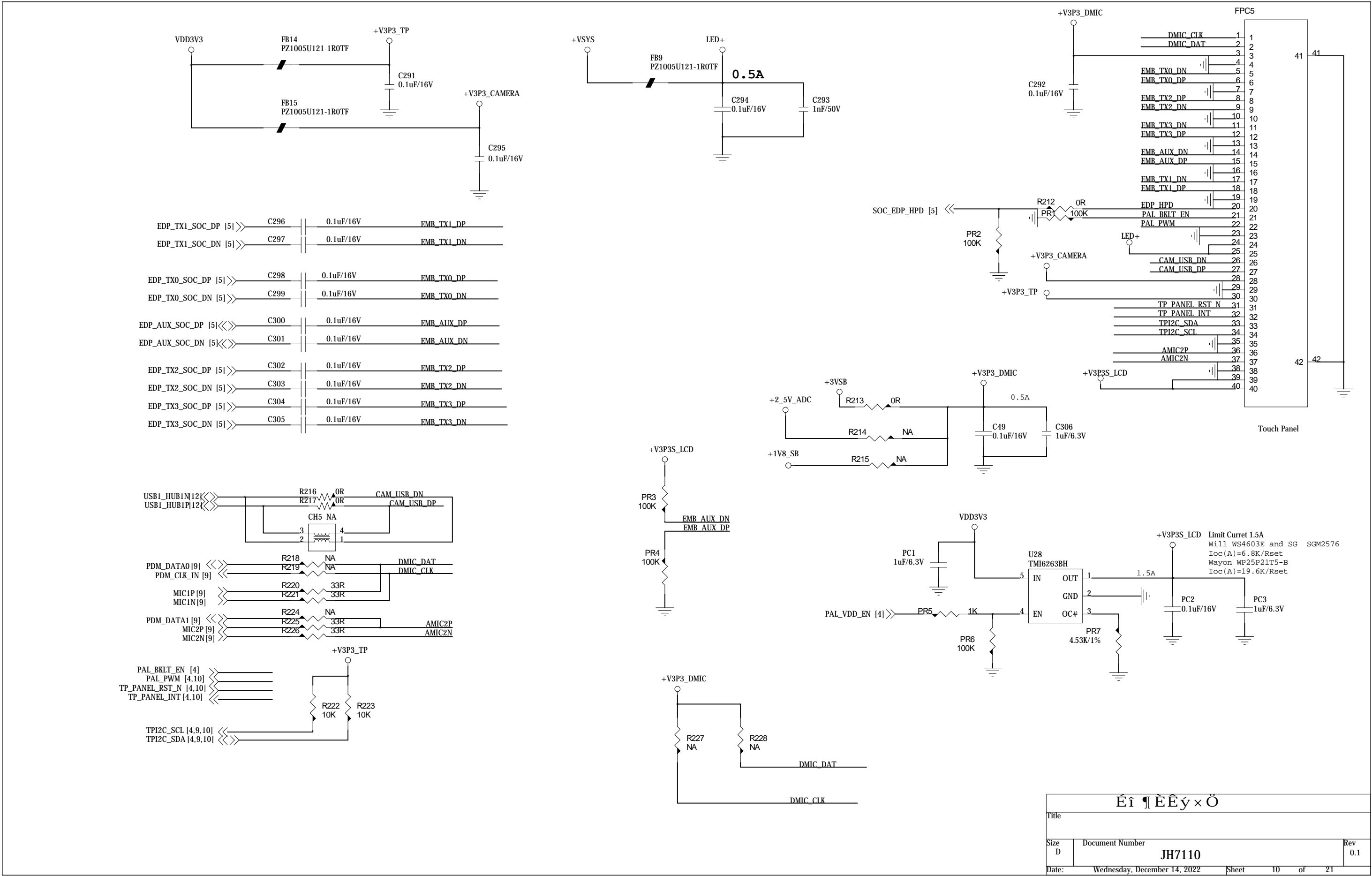


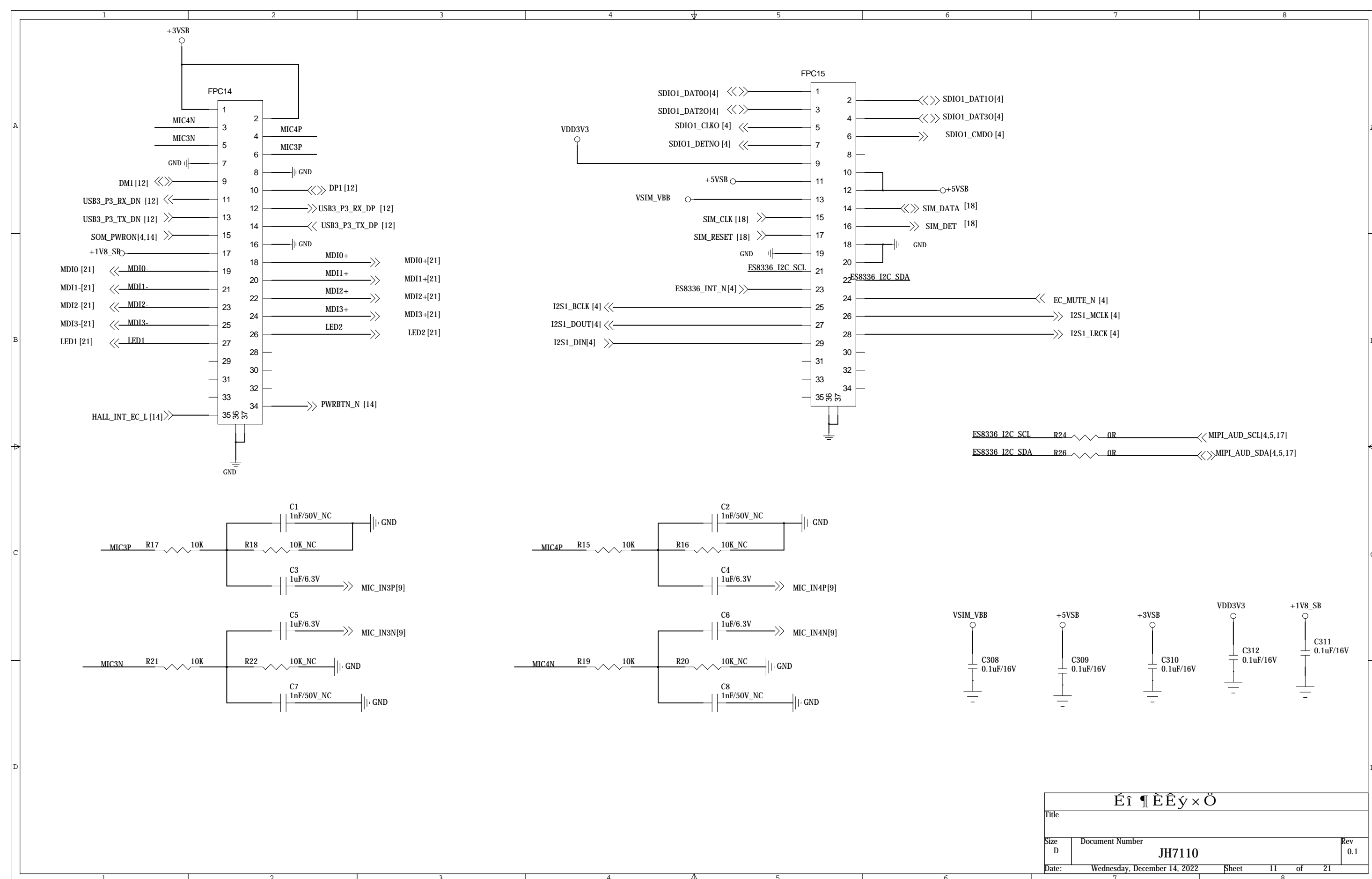


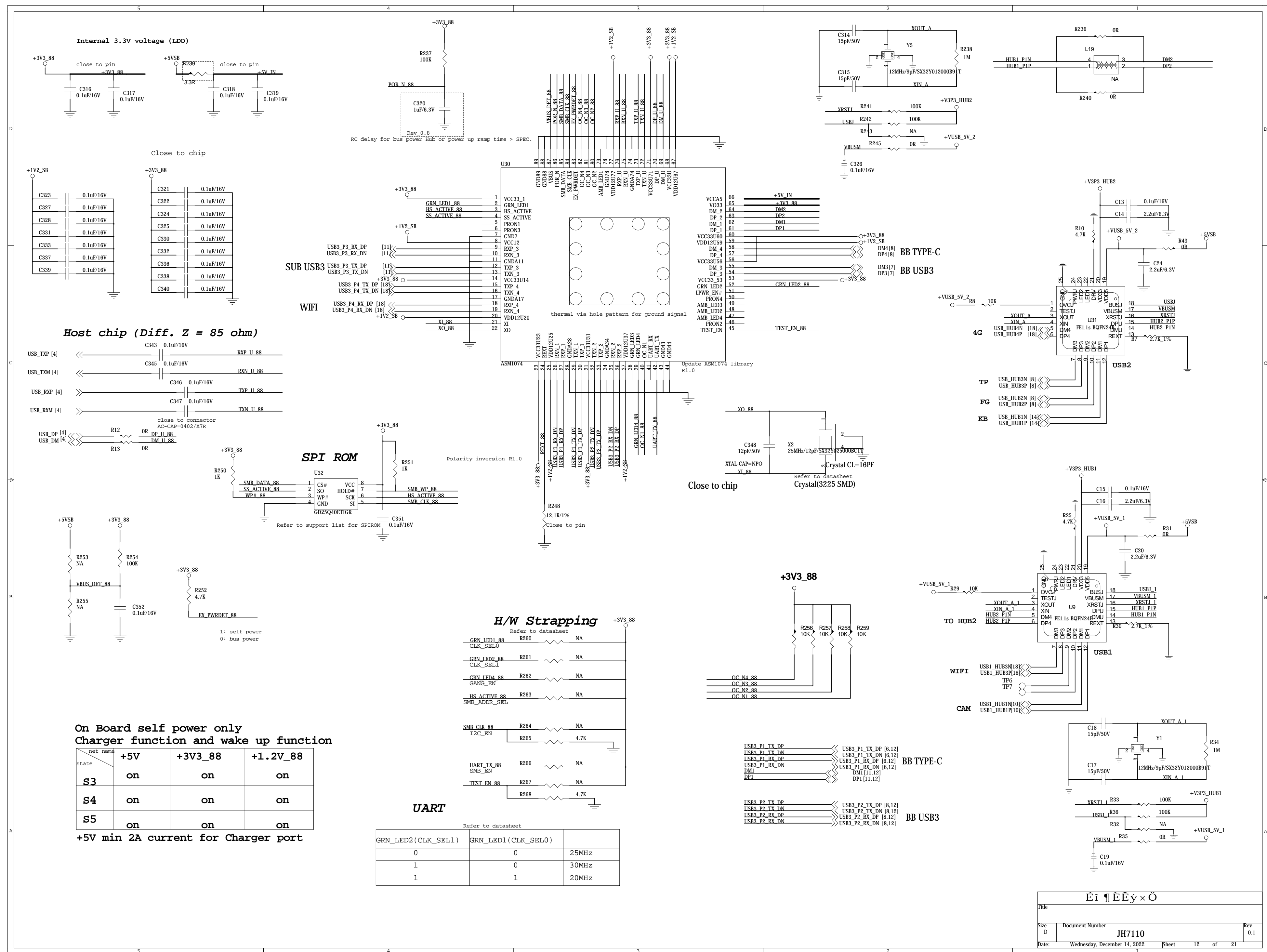


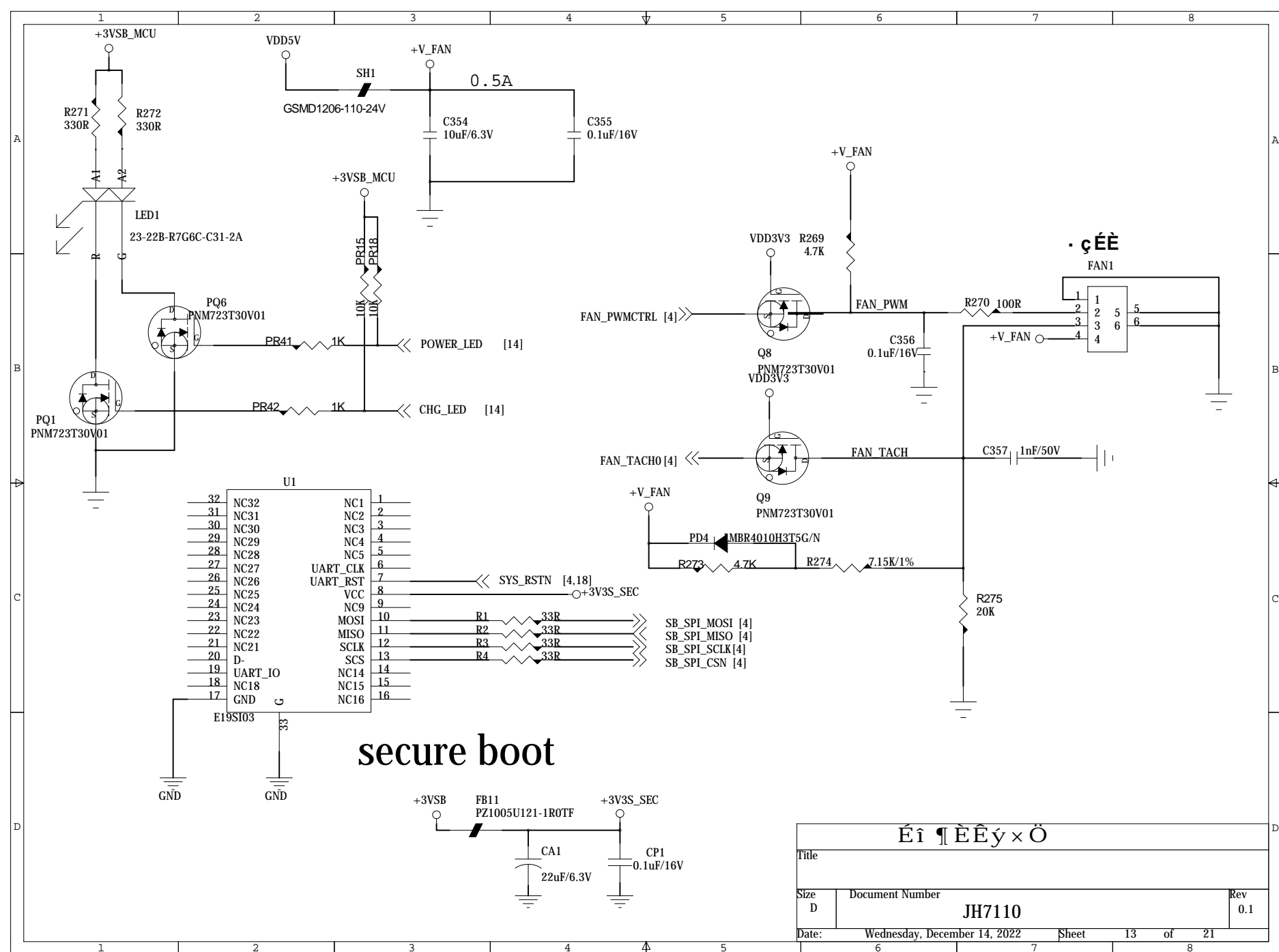


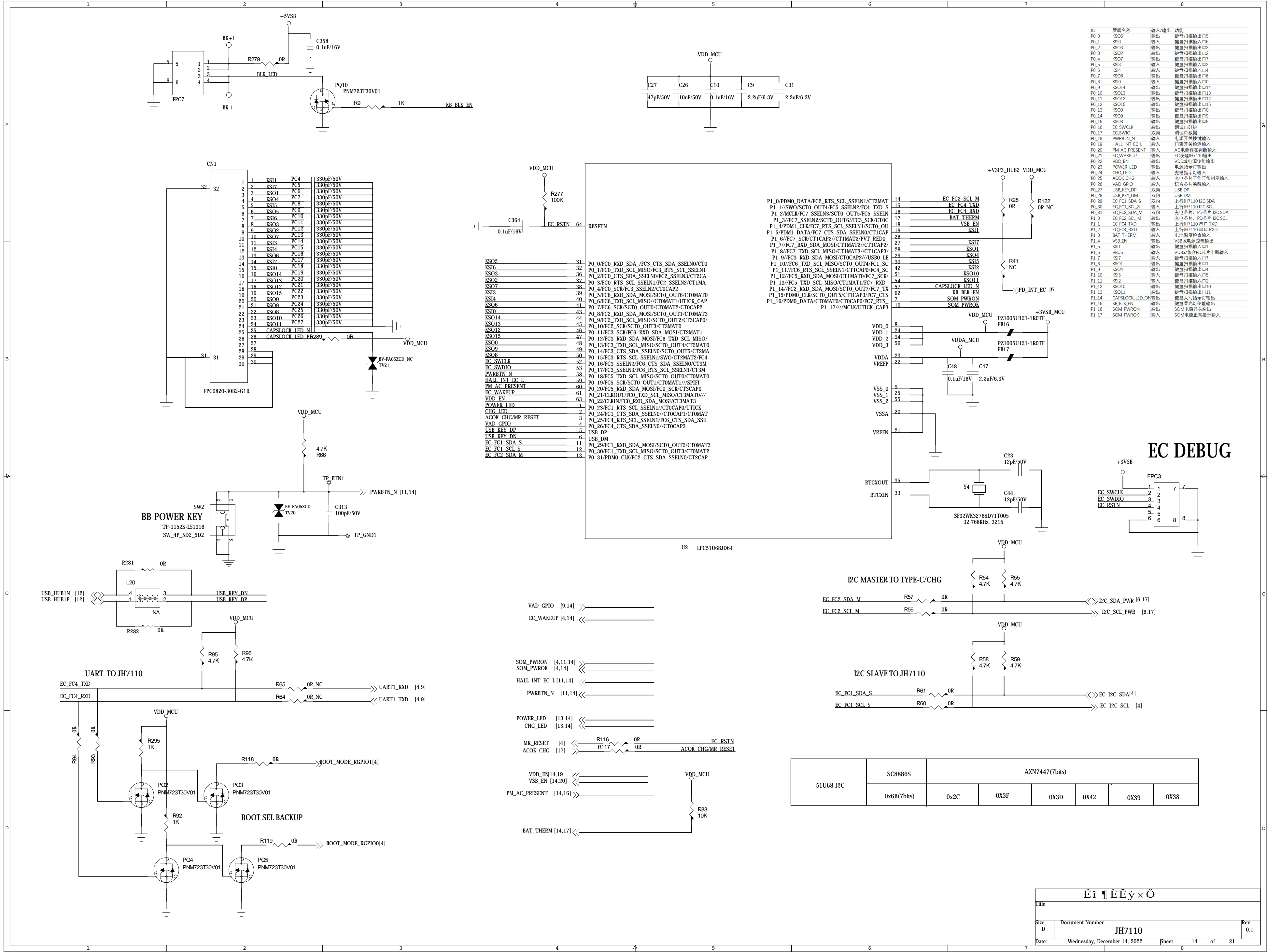




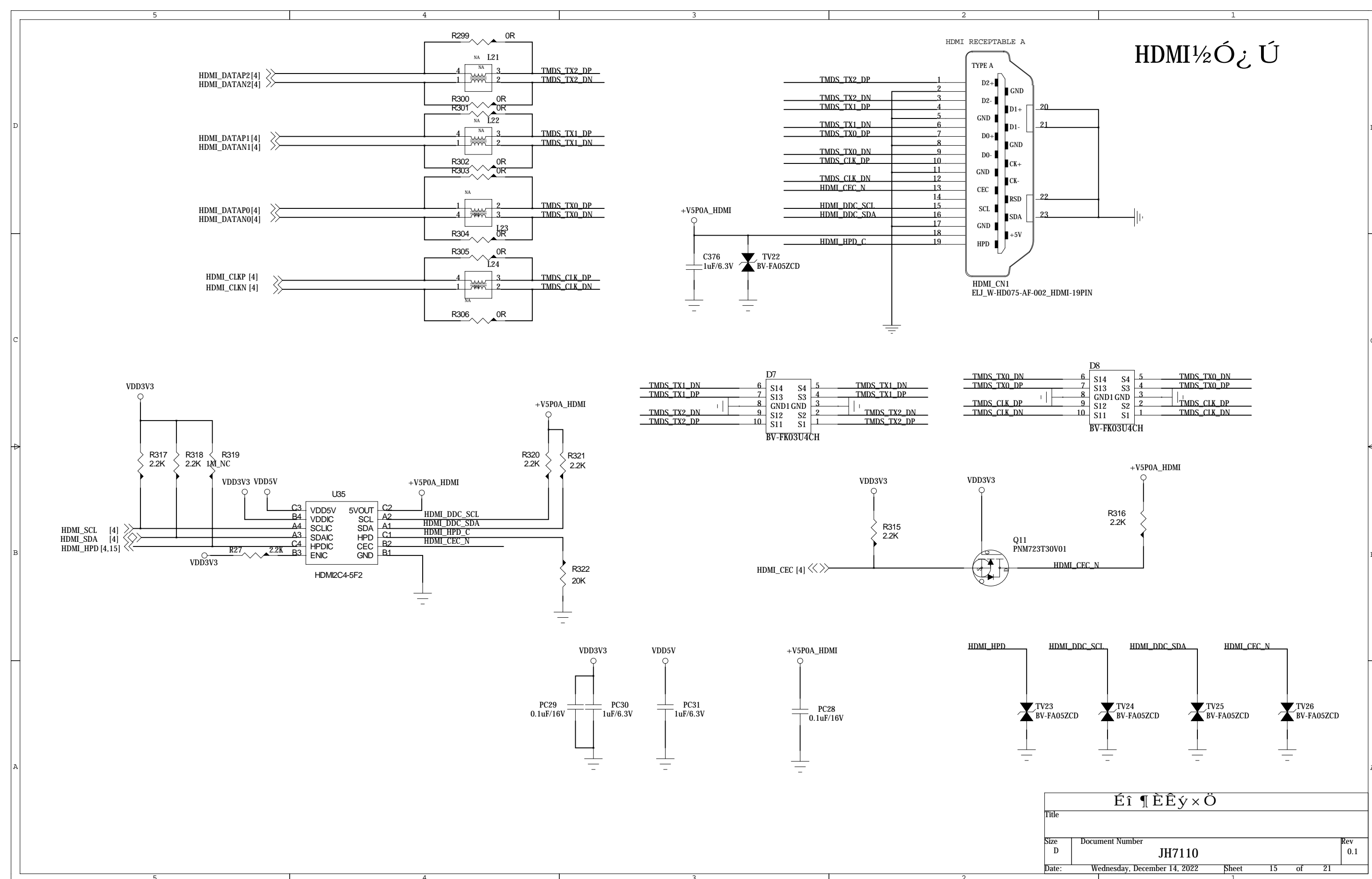












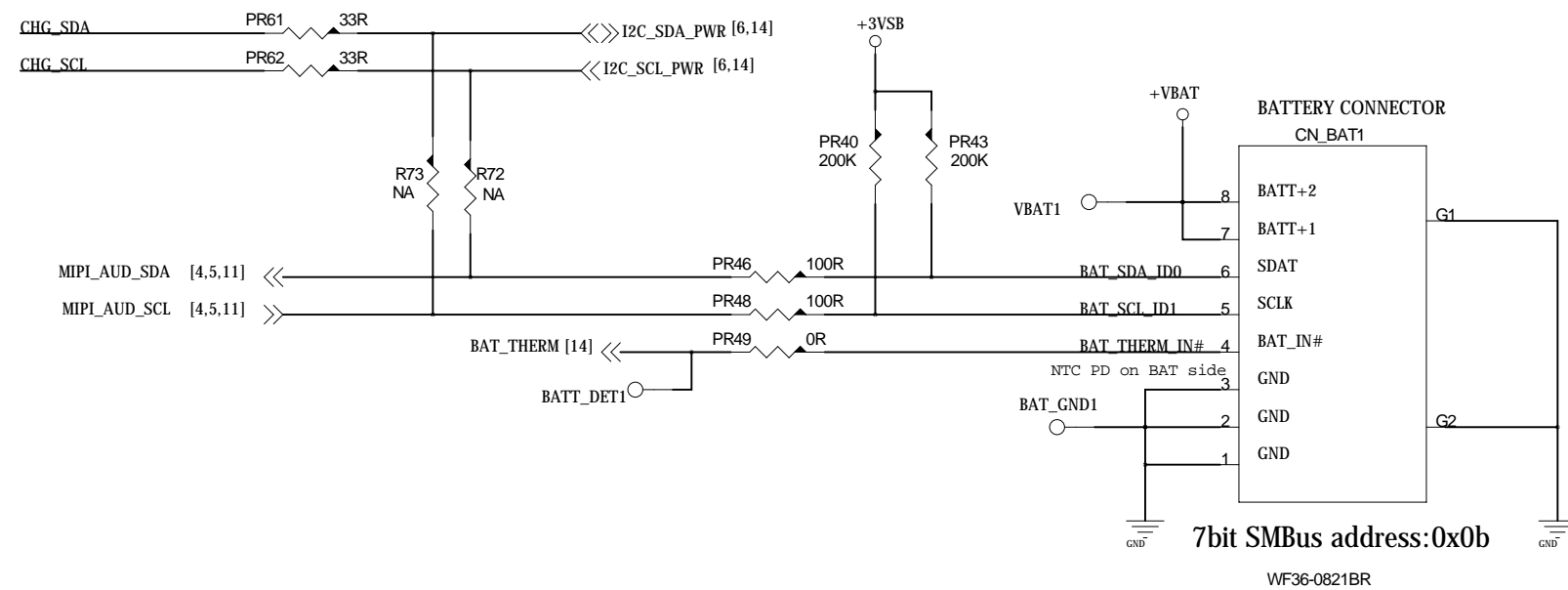
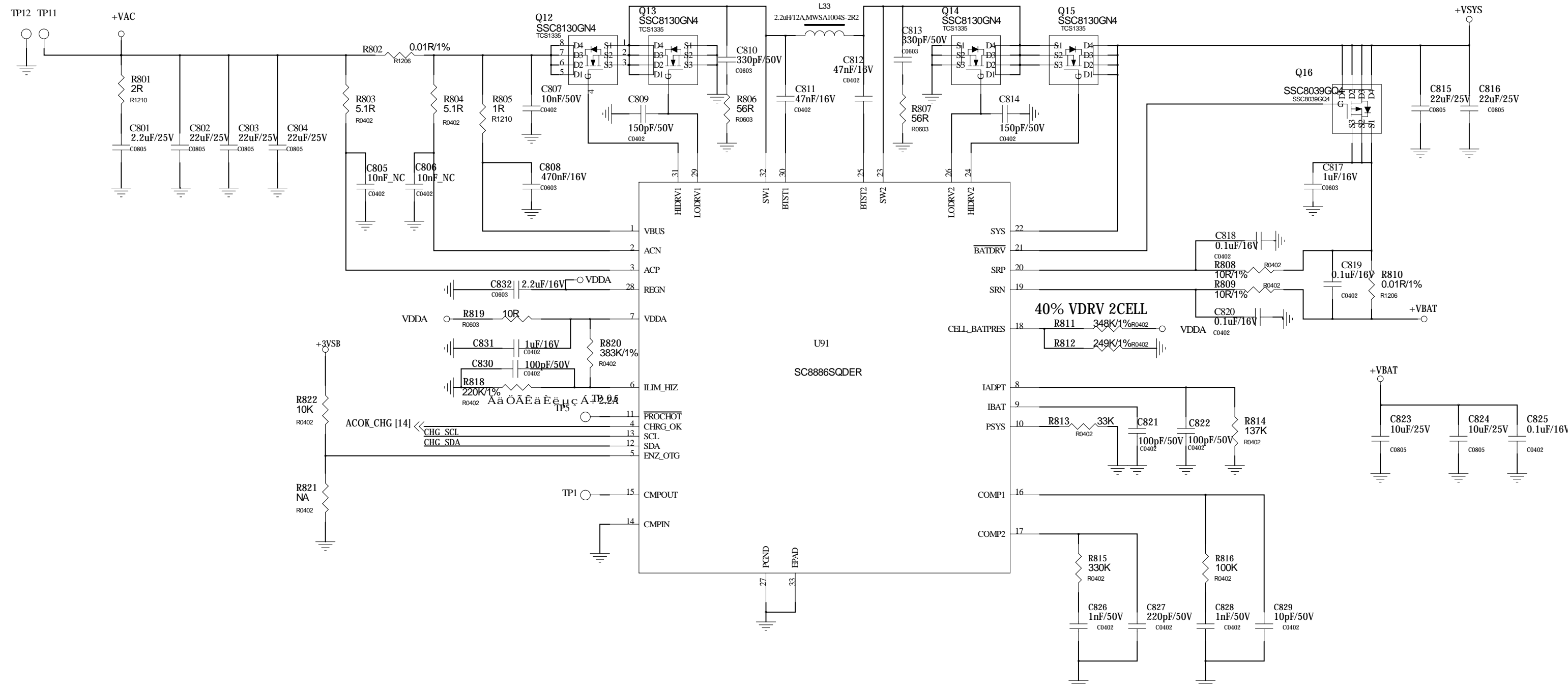
AC SEL

The schematic diagram illustrates the power supply section for the JH7110, featuring two main input sections: DCIN 20V and TPC1 20V. The DCIN 20V section includes a DC\_JACK\_SP\_J0-4C081005T0 connector, a 4A fuse (F1), and a 4A fuse (F2). The TPC1 20V section includes a 4A fuse (F3), a 4A fuse (F4), and a 4A fuse (F5). The diagram shows the AC selection logic, including the AC\_SEL pin, and the power rails: +VADP, +VAC, +VUS, +VUS\_TYPEC1\_IN, +VADP\_DET, +VAC\_DET, +VUS\_DET, +VUS\_TYPEC1\_DET, +VADP\_DET, +VAC\_DET, +VUS\_DET, +VUS\_TYPEC1\_DET. The diagram also shows the connection to the JH7110 IC, including the VBUS1, VBUS2, VBUS3, VBUS4, VBUS5, VBUS6, VBUS7, VBUS8, VBUS9, VBUS10, VBUS11, VBUS12, VBUS13, VBUS14, VBUS15, VBUS16, VBUS17, VBUS18, VBUS19, VBUS20, VBUS21, VBUS22, VBUS23, VBUS24, VBUS25, VBUS26, VBUS27, VBUS28, VBUS29, VBUS30, VBUS31, VBUS32, VBUS33, VBUS34, VBUS35, VBUS36, VBUS37, VBUS38, VBUS39, VBUS40, VBUS41, VBUS42, VBUS43, VBUS44, VBUS45, VBUS46, VBUS47, VBUS48, VBUS49, VBUS50, VBUS51, VBUS52, VBUS53, VBUS54, VBUS55, VBUS56, VBUS57, VBUS58, VBUS59, VBUS60, VBUS61, VBUS62, VBUS63, VBUS64, VBUS65, VBUS66, VBUS67, VBUS68, VBUS69, VBUS70, VBUS71, VBUS72, VBUS73, VBUS74, VBUS75, VBUS76, VBUS77, VBUS78, VBUS79, VBUS80, VBUS81, VBUS82, VBUS83, VBUS84, VBUS85, VBUS86, VBUS87, VBUS88, VBUS89, VBUS90, VBUS91, VBUS92, VBUS93, VBUS94, VBUS95, VBUS96, VBUS97, VBUS98, VBUS99, VBUS100, VBUS101, VBUS102, VBUS103, VBUS104, VBUS105, VBUS106, VBUS107, VBUS108, VBUS109, VBUS110, VBUS111, VBUS112, VBUS113, VBUS114, VBUS115, VBUS116, VBUS117, VBUS118, VBUS119, VBUS120, VBUS121, VBUS122, VBUS123, VBUS124, VBUS125, VBUS126, VBUS127, VBUS128, VBUS129, VBUS130, VBUS131, VBUS132, VBUS133, VBUS134, VBUS135, VBUS136, VBUS137, VBUS138, VBUS139, VBUS140, VBUS141, VBUS142, VBUS143, VBUS144, VBUS145, VBUS146, VBUS147, VBUS148, VBUS149, VBUS150, VBUS151, VBUS152, VBUS153, VBUS154, VBUS155, VBUS156, VBUS157, VBUS158, VBUS159, VBUS160, VBUS161, VBUS162, VBUS163, VBUS164, VBUS165, VBUS166, VBUS167, VBUS168, VBUS169, VBUS170, VBUS171, VBUS172, VBUS173, VBUS174, VBUS175, VBUS176, VBUS177, VBUS178, VBUS179, VBUS180, VBUS181, VBUS182, VBUS183, VBUS184, VBUS185, VBUS186, VBUS187, VBUS188, VBUS189, VBUS190, VBUS191, VBUS192, VBUS193, VBUS194, VBUS195, VBUS196, VBUS197, VBUS198, VBUS199, VBUS200, VBUS201, VBUS202, VBUS203, VBUS204, VBUS205, VBUS206, VBUS207, VBUS208, VBUS209, VBUS210, VBUS211, VBUS212, VBUS213, VBUS214, VBUS215, VBUS216, VBUS217, VBUS218, VBUS219, VBUS220, VBUS221, VBUS222, VBUS223, VBUS224, VBUS225, VBUS226, VBUS227, VBUS228, VBUS229, VBUS230, VBUS231, VBUS232, VBUS233, VBUS234, VBUS235, VBUS236, VBUS237, VBUS238, VBUS239, VBUS240, VBUS241, VBUS242, VBUS243, VBUS244, VBUS245, VBUS246, VBUS247, VBUS248, VBUS249, VBUS250, VBUS251, VBUS252, VBUS253, VBUS254, VBUS255, VBUS256, VBUS257, VBUS258, VBUS259, VBUS260, VBUS261, VBUS262, VBUS263, VBUS264, VBUS265, VBUS266, VBUS267, VBUS268, VBUS269, VBUS270, VBUS271, VBUS272, VBUS273, VBUS274, VBUS275, VBUS276, VBUS277, VBUS278, VBUS279, VBUS280, VBUS281, VBUS282, VBUS283, VBUS284, VBUS285, VBUS286, VBUS287, VBUS288, VBUS289, VBUS290, VBUS291, VBUS292, VBUS293, VBUS294, VBUS295, VBUS296, VBUS297, VBUS298, VBUS299, VBUS300, VBUS301, VBUS302, VBUS303, VBUS304, VBUS305, VBUS306, VBUS307, VBUS308, VBUS309, VBUS310, VBUS311, VBUS312, VBUS313, VBUS314, VBUS315, VBUS316, VBUS317, VBUS318, VBUS319, VBUS320, VBUS321, VBUS322, VBUS323, VBUS324, VBUS325, VBUS326, VBUS327, VBUS328, VBUS329, VBUS330, VBUS331, VBUS332, VBUS333, VBUS334, VBUS335, VBUS336, VBUS337, VBUS338, VBUS339, VBUS340, VBUS341, VBUS342, VBUS343, VBUS344, VBUS345, VBUS346, VBUS347, VBUS348, VBUS349, VBUS350, VBUS351, VBUS352, VBUS353, VBUS354, VBUS355, VBUS356, VBUS357, VBUS358, VBUS359, VBUS360, VBUS361, VBUS362, VBUS363, VBUS364, VBUS365, VBUS366, VBUS367, VBUS368, VBUS369, VBUS370, VBUS371, VBUS372, VBUS373, VBUS374, VBUS375, VBUS376, VBUS377, VBUS378, VBUS379, VBUS380, VBUS381, VBUS382, VBUS383, VBUS384, VBUS385, VBUS386, VBUS387, VBUS388, VBUS389, VBUS390, VBUS391, VBUS392, VBUS393, VBUS394, VBUS395, VBUS396, VBUS397, VBUS398, VBUS399, VBUS400, VBUS401, VBUS402, VBUS403, VBUS404, VBUS405, VBUS406, VBUS407, VBUS408, VBUS409, VBUS410, VBUS411, VBUS412, VBUS413, VBUS414, VBUS415, VBUS416, VBUS417, VBUS418, VBUS419, VBUS420, VBUS421, VBUS422, VBUS423, VBUS424, VBUS425, VBUS426, VBUS427, VBUS428, VBUS429, VBUS430, VBUS431, VBUS432, VBUS433, VBUS434, VBUS435, VBUS436, VBUS437, VBUS438, VBUS439, VBUS440, VBUS441, VBUS442, VBUS443, VBUS444, VBUS445, VBUS446, VBUS447, VBUS448, VBUS449, VBUS450, VBUS451, VBUS452, VBUS453, VBUS454, VBUS455, VBUS456, VBUS457, VBUS458, VBUS459, VBUS460, VBUS461, VBUS462, VBUS463, VBUS464, VBUS465, VBUS466, VBUS467, VBUS468, VBUS469, VBUS470, VBUS471, VBUS472, VBUS473, VBUS474, VBUS475, VBUS476, VBUS477, VBUS478, VBUS479, VBUS480, VBUS481, VBUS482, VBUS483, VBUS484, VBUS485, VBUS486, VBUS487, VBUS488, VBUS489, VBUS490, VBUS491, VBUS492, VBUS493, VBUS494, VBUS495, VBUS496, VBUS497, VBUS498, VBUS499, VBUS500, VBUS501, VBUS502, VBUS503, VBUS504, VBUS505, VBUS506, VBUS507, VBUS508, VBUS509, VBUS510, VBUS511, VBUS512, VBUS513, VBUS514, VBUS515, VBUS516, VBUS517, VBUS518, VBUS519, VBUS520, VBUS521, VBUS522, VBUS523, VBUS524, VBUS525, VBUS526, VBUS527, VBUS528, VBUS529, VBUS530, VBUS531, VBUS532, VBUS533, VBUS534, VBUS535, VBUS536, VBUS537, VBUS538, VBUS539, VBUS540, VBUS541, VBUS542, VBUS543, VBUS544, VBUS545, VBUS546, VBUS547, VBUS548, VBUS549, VBUS550, VBUS551, VBUS552, VBUS553, VBUS554, VBUS555, VBUS556, VBUS557, VBUS558, VBUS559, VBUS560, VBUS561, VBUS562, VBUS563, VBUS564, VBUS565, VBUS566, VBUS567, VBUS568, VBUS569, VBUS570, VBUS571, VBUS572, VBUS573, VBUS574, VBUS575, VBUS576, VBUS577, VBUS578, VBUS579, VBUS580, VBUS581, VBUS582, VBUS583, VBUS584, VBUS585, VBUS586, VBUS587, VBUS588, VBUS589, VBUS590, VBUS591, VBUS592, VBUS593, VBUS594, VBUS595, VBUS596, VBUS597, VBUS598, VBUS599, VBUS600, VBUS601, VBUS602, VBUS603, VBUS604, VBUS605, VBUS606, VBUS607, VBUS608, VBUS609, VBUS610, VBUS611, VBUS612, VBUS613, VBUS614, VBUS615, VBUS616, VBUS617, VBUS618, VBUS619, VBUS620, VBUS621, VBUS622, VBUS623, VBUS624, VBUS625, VBUS626, VBUS627, VBUS628, VBUS629, VBUS630, VBUS631, VBUS632, VBUS633

TPC1  
20V

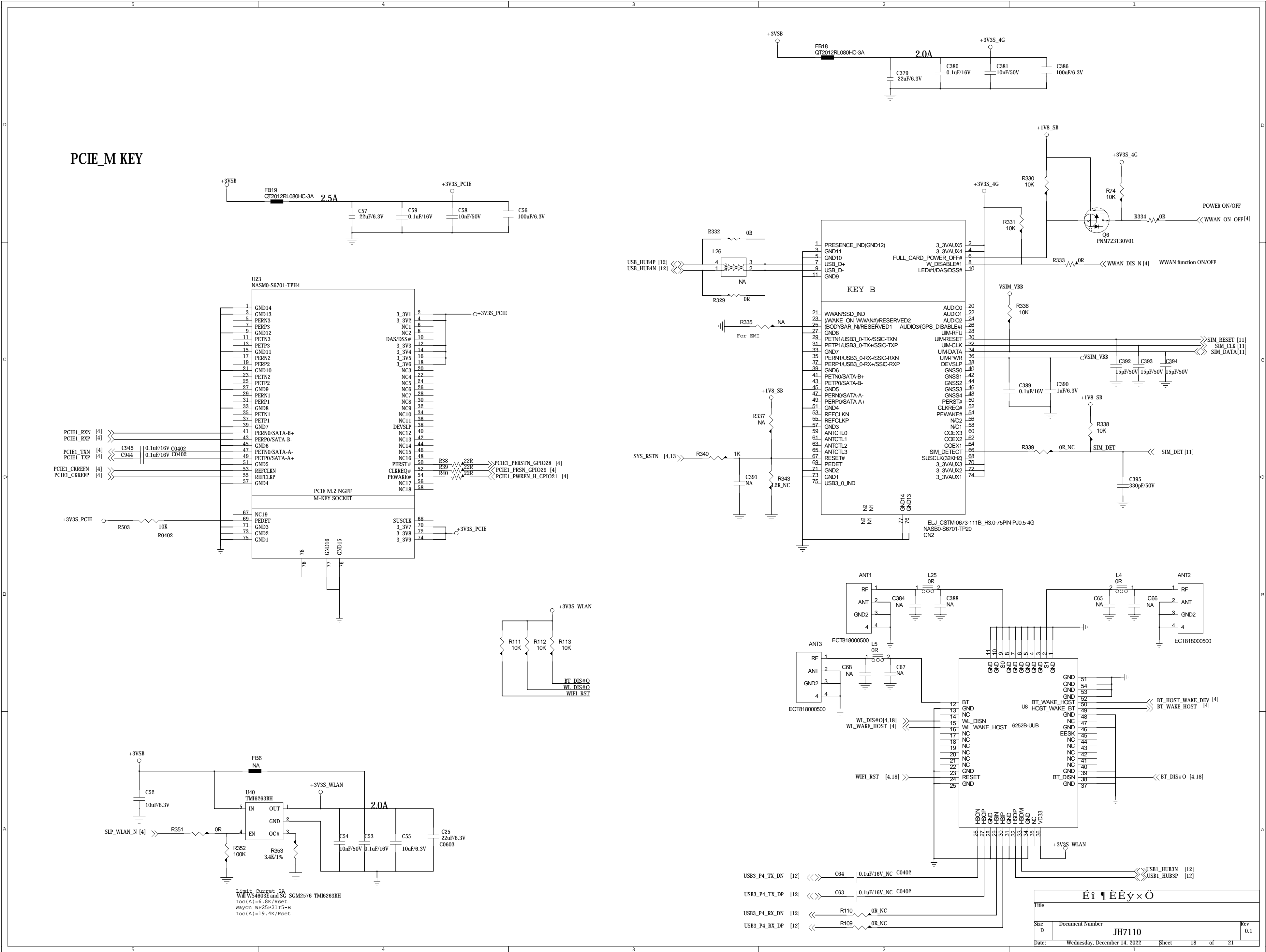
$\hat{E} \hat{1} \hat{1} \hat{E} \hat{y} \times \hat{O}$			
Title			
Size D	Document Number		
	JH7110		
	Rev 0.1		
Date:	Wednesday, December 14, 2022	Sheet	16 of 21

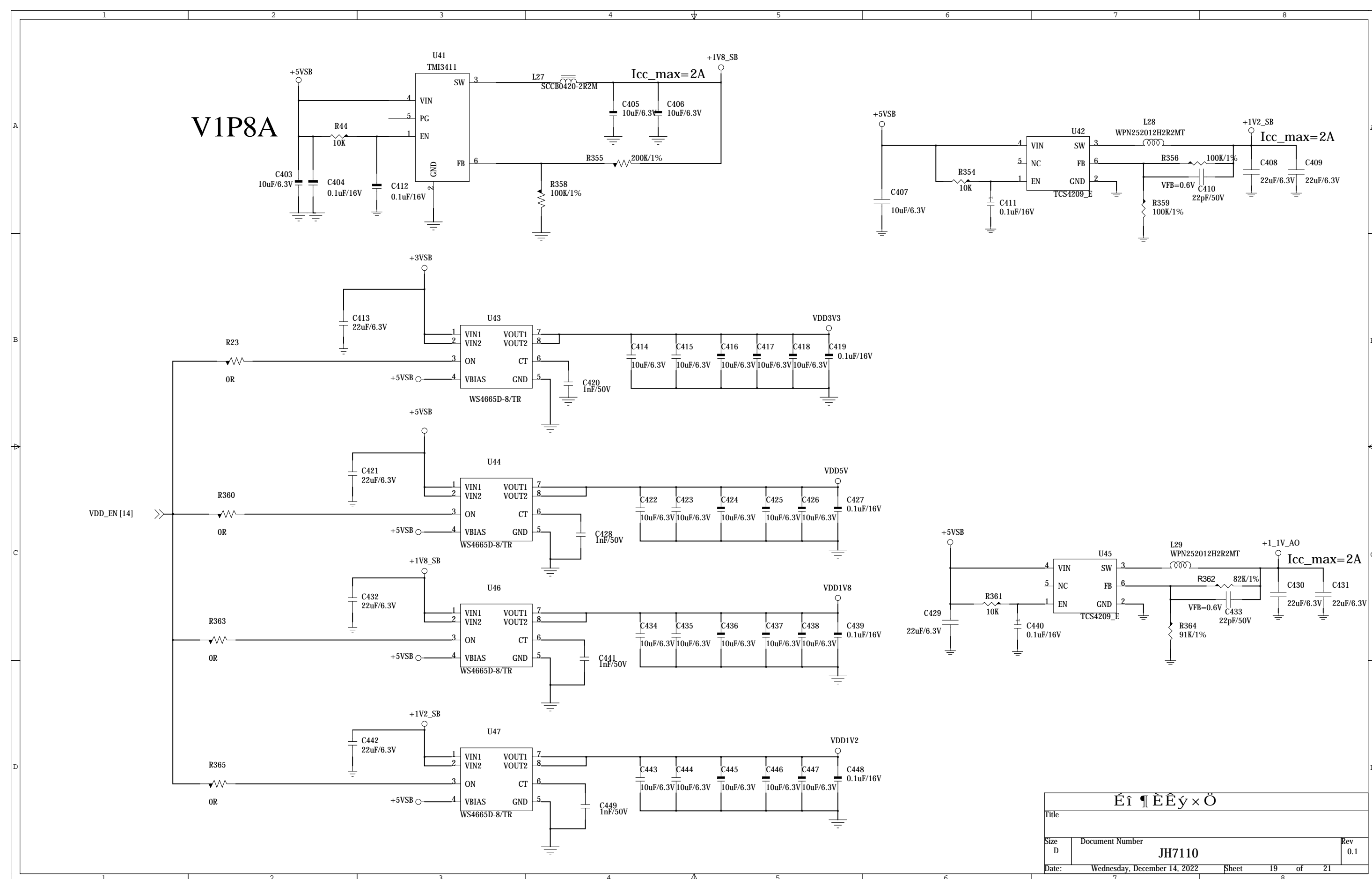
Charger



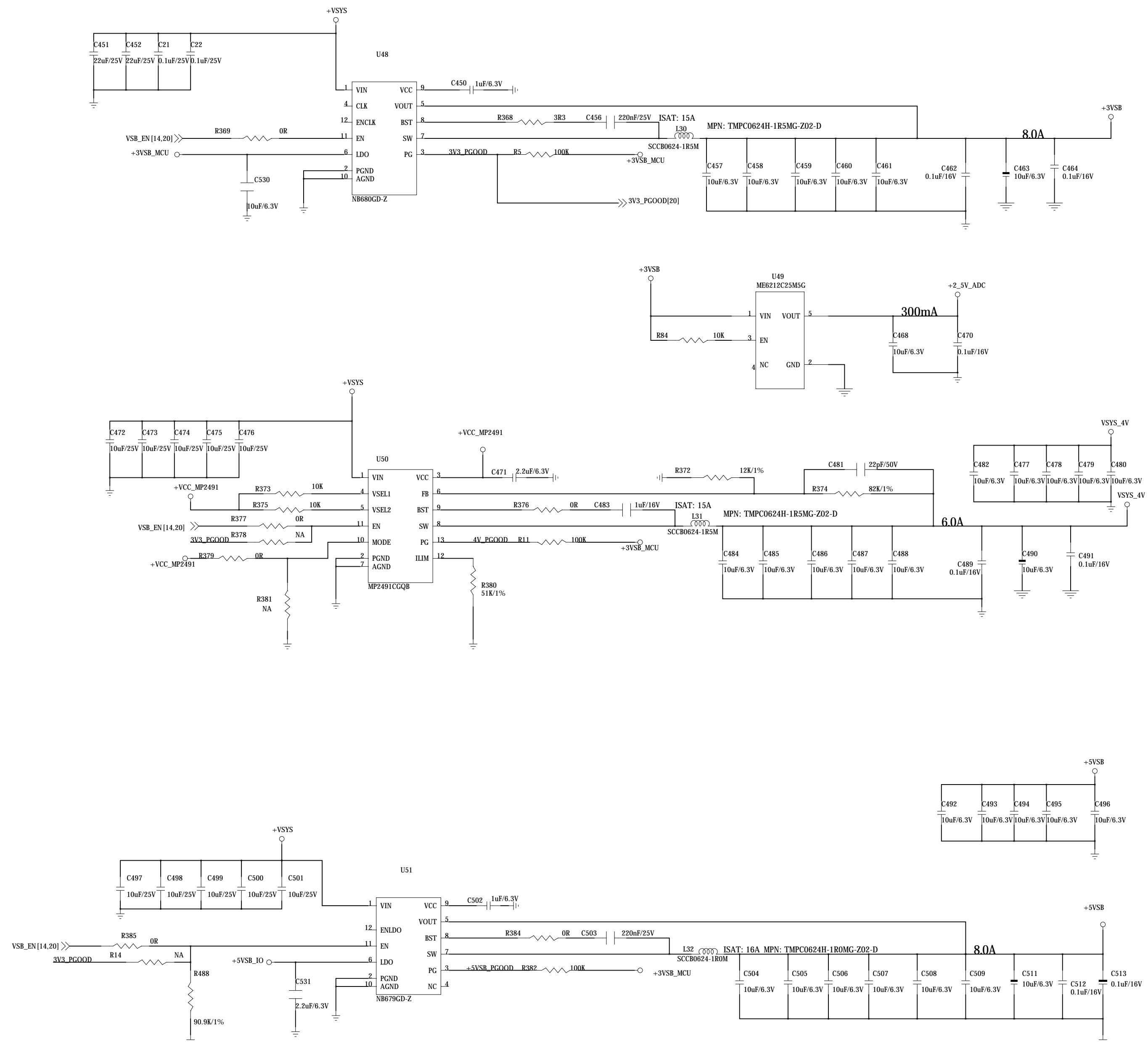
Title		
Document Number		
JH7110		
Date: Wednesday, December 14, 2022		
Sheet 17 of 21		
Rev 0.1		

PCIE\_M KEY

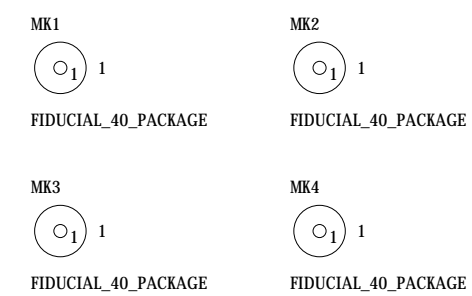
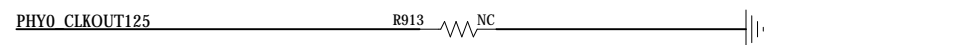
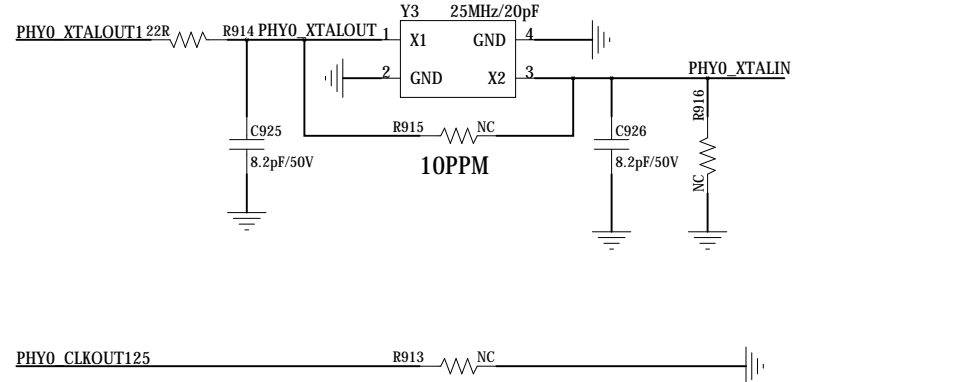
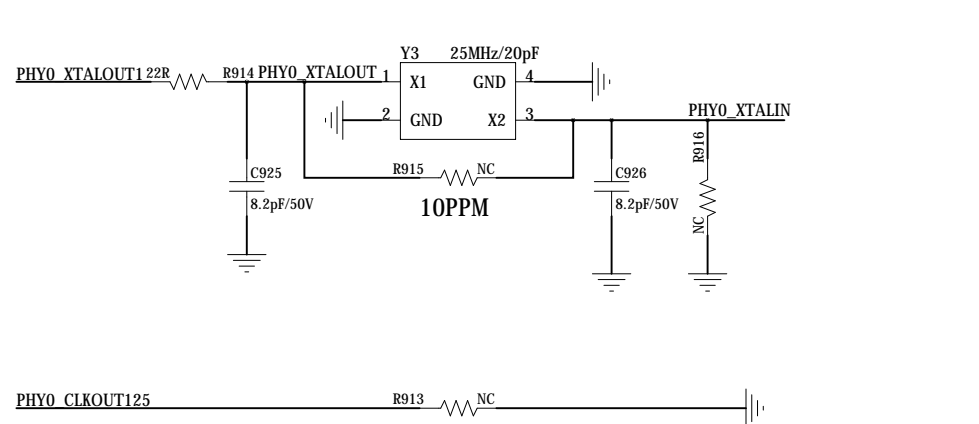
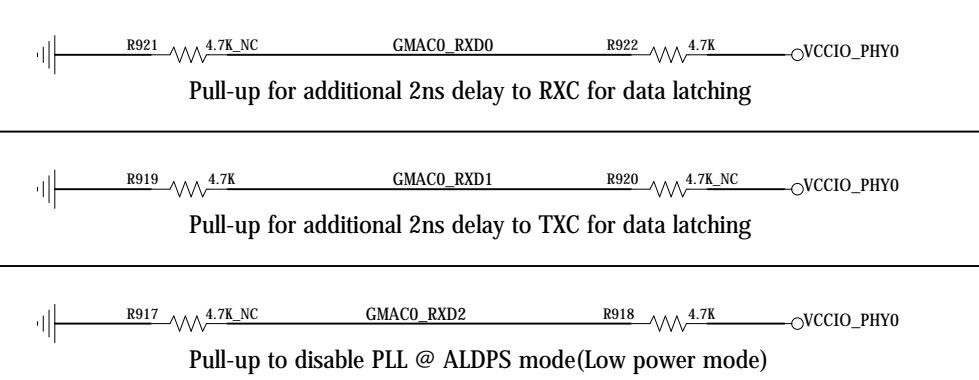




3V&4V&5V







$\mathbb{E}i \, \mathbb{I} \mathbb{E} \mathbb{E}y \times \mathbb{O}$			
Title			
Size D	Document Number  JH7110		Rev 0.1
Date:	Wednesday, December 14, 2022	Sheet 21 of 21	